

Số: 13 /GPMT-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UB ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội, Chỉ thị số 27-CT/TU của Thành ủy và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-KCNC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo ý kiến của Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án "Trung tâm nghiên cứu và đào tạo chuyên sâu điều trị đột quỵ S.I.S Thành Phố Hồ Chí Minh" tại địa chỉ Lô E5-1, Đường D1, Khu công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Đột quỵ SIS Việt Nam, họp ngày 10 tháng 09 năm 2024;



Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 14/2024/CV-SISVN đến ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Đột quy SIS Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án “Trung tâm nghiên cứu và đào tạo chuyên sâu điều trị đột quy S.I.S Thành Phố Hồ Chí Minh” và hồ sơ hoàn thiện kèm theo Văn bản số 20/2024/ CV-SISVN ngày 16 tháng 12 năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tại Phiếu trình ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo số 115/BC-QHXDMT ngày 18 tháng 12 năm 2024 về kết quả thẩm định và rà soát hồ sơ cấp giấy phép môi trường của dự án “Trung tâm nghiên cứu và đào tạo chuyên sâu điều trị đột quy S.I.S Thành Phố Hồ Chí Minh”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Đột quy SIS Việt Nam, địa chỉ tại Lô E5-1, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trung tâm nghiên cứu và đào tạo chuyên sâu điều trị đột quy S.I.S Thành Phố Hồ Chí Minh tại Lô E5-1, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Đột quy SIS Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E5-1, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số: 0313356646 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 07 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 04 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 5123778804 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2022.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược. Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y tế như Nghiên cứu trong chuẩn đoán và điều trị các bệnh liên quan đến đột quy.

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học như thiết kế và chế tạo các thiết bị và dụng cụ y tế trong điều trị đột quy.

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động nhận và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học công nghệ; Hoạt động tư vấn, thẩm định đánh giá công nghệ.

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: đào tạo chuyên sâu cho Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ, Kỹ thuật viên, Y tá, cán bộ y tế khác trong điều trị đột quy.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích dự án dự kiến: 11.389,7 m².

- Quy mô: dự án có tiêu chí phân loại dự án Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Tổ chức các lớp đào tạo y tế chuyên sâu cho các trường, bệnh viện trong và ngoài nước. Dự kiến đào tạo 250-1200 người/năm.

+ Tổ chức Hội thảo quốc tế chuyên sâu về đột quy. Dự kiến tổ chức 1-3 hội thảo/năm có khoảng 300-1500 người tham dự/năm.

+ Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học như thiết kế và chế tạo các thiết bị và dụng cụ y tế trong điều trị đột quy như: sản phẩm Stents não, sản phẩm Coils, sản phẩm Catheter với số lượng dự kiến: 50-150 mẫu/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Đột quy SIS Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Thực hiện theo đúng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký đầu tư đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trường hợp có sự thay đổi, phải báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để được xem xét, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các hồ sơ pháp lý liên quan khác theo đúng quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** kể từ ngày giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Đột quy SIS Việt Nam;
- UBND TP.HCM;
- Sở TN&MT TP.HCM;
- UBND thành phố Thủ Đức;
- Các PTB (để biết);
- Văn phòng Ban Quản lý KCNC;
- Phòng QLKH&HTQT; Phòng QLDN; BQLCDA;
- Ban biên tập trang thông tin SHTP (để đăng tải trang thông tin điện tử);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Y.13.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Kỳ Phùng



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 12./GPMT-KCNC ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý không xả trực tiếp ra môi trường, được đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao để tiếp tục xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa trên mái nhà được thu gom bằng các máng xối, dẫn bằng ống nhựa uPVC D168mm xuống hệ thống thoát nước mưa, cùng với nước mưa chảy tràn trên mặt đất thông qua các hố ga thu gom nước mưa kết hợp với song chắn rác. Các hố ga này nối với nhau bằng các đoạn ống bê tông cốt thép có đường kính từ D400-800mm trong khuôn viên dự án, đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của Khu Công nghệ cao. Toàn bộ nước mưa được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa của Khu Công nghệ cao tại 03 vị trí nằm trên đường D2b và đường D1 của Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Toạ độ vị trí đầu nối nước mưa (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực thành phố Hồ Chí Minh $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

Vị trí hố ga đầu nối số 1: Y=615973.8764 X=1198955.4180

Vị trí hố ga đầu nối số 2: Y=615935.9262 X=1198914.2270

Vị trí hố ga đầu nối số 3: X=615936.9033 Y=1198812.7913

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (bồn cầu, âu tiểu) khu vực văn phòng và căn tin được thu gom vào 02 bể tự hoại của khu vực văn phòng, căn tin (bể tự hoại được đặt dưới nhà vệ sinh) với thể tích $80\text{m}^3/\text{bể}$. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $35\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ để tiếp tục xử lý. Nước thải sau đó được dẫn vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (bồn cầu, âu tiêu) khu vực công bảo vệ, được thu gom vào 02 bể tự hoại của khu vực công bảo vệ (bể tự hoại được đặt dưới nhà vệ sinh) với thể tích $5\text{m}^3/\text{bể}$. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $35\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để tiếp tục xử lý. Nước thải sau đó được dẫn vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình sản xuất thực nghiệm được thu gom xử lý theo quy định về chất thải nguy hại, không xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao.

Nước thải phát sinh tại dự án (nguồn số 01 và số 02) được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao thông qua 01 điểm đầu nối trên đường D2b. Vị trí đầu nối nước thải tại hố ga đầu nối trên đường D2b có tọa độ X(m): 1198946,130; Y(m): 615970,900 (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến $105^\circ 45'$, múi chiếu 3°). Dự án đảm bảo nước thải phát sinh đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao được ban hành theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 trước khi đầu nối.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- 04 bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích: 170m^3 , bao gồm 02 bể tự hoại tại khu vực văn phòng, căn tin có thể tích $80\text{m}^3/\text{bể}$; 02 bể tự hoại tại khu vực công bảo vệ có thể tích $5\text{m}^3/\text{bể}$.

- 01 Hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất thiết kế: $35\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$:

+ Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất $35\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$:
Nước thải đầu vào → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nối nước thải với Khu Công nghệ cao.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục A phụ lục này): Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại.

- Bố trí nhân viên quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố. Thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, quy trình, công suất; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những môi nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn. Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.

- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bề điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố; thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Vị trí lấy mẫu đầu vào: Bể điều hòa của trạm xử lý nước thải.

+ Vị trí lấy mẫu đầu ra: Hố ga nằm trên đường số D2b, tọa độ (X= 1198946,130; Y= 615970,900).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thanh phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất giám sát định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại
2	COD	mg/L	600		
3	BOD ₅	mg/L	250		
4	TSS	mg/L	300		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất giám sát định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	Nitơ tổng	mg/L	60	97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Chủ dự án tự đề xuất quan trắc với tần suất 03 tháng/lần	khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
6	Amoni	mg/L	29		
7	Photpho tổng	mg/L	14		
8	Dầu động thực vật	mg/L	-		
9	Coliform	MPN/100mL	37×10^7		

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu Công nghệ cao, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thu gom xử lý nước thải của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao); xây dựng hồ ga đầu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quốc tế Đột quy SIS Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao để tiếp tục xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-KCNC ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 400 KVA.
- Nguồn số 02: Bụi kim loại từ quá trình cắt lazer (Lưu lượng ít, không đáng kể, có thiết bị thu gom tại chỗ).
- Nguồn số 03: Khí thải từ quá trình tạo hình phôi sản phẩm Catheter (Lưu lượng ít, không phát sinh thường xuyên).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải từ nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 400 KVA. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực thành phố Hồ Chí Minh $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X (m) = 1198925.015; Y (m) = 616002.002.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Lưu lượng xả thải tối đa: 2.217,6 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

01 dòng khí thải số 01: gián đoạn (chỉ xả khi máy phát điện hoạt động)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B hệ số $K_p=0,6$; $K_v=1$) quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, (Cột B hệ số $K_p=0,6$; $K_v=1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quắc trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ (theo	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên
2	SO ₂	mg/Nm ³	300		

3	NO _x	mg/Nm ³	510	quy định tại điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP)	tục (theo quy định tại điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP)
4	CO	mg/Nm ³	600		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 400 KVA. Khí thải được thu gom và thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải đường kính 114mm, chiều cao 2,5m (so với mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống thoát khí:

Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải từ máy phát điện → ống thoát khí thải ra ngoài môi trường.

Thông số kỹ thuật: 01 ống thoát khí thải có đường kính 114mm, chiều cao 2,5m (so với mặt đất).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống đường ống, hệ thống xử lý bụi, khí thải và quạt hút để kịp thời phát hiện những sự cố có thể xảy ra.

- Kiểm định, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị sản xuất thường xuyên, đảm bảo hoạt động đúng quy trình nhà sản xuất đưa ra.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng. Tạm ngừng các công đoạn hoạt động có phát sinh khí thải chờ khắc phục xong sự cố mới tiếp tục hoạt động.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2019/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p=0,6$, $K_v=1$).

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.5. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.





Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 122/GPMT-KCNC ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 2: Hoạt động bơm thổi khí khu vực trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí số 1: Tọa độ X (m) = 1198925.015; Y (m) = 616002.002.
- Vị trí số 2: Tọa độ X (m) = 1198908.952; Y (m) = 616075.386.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bộ máy kiên cố. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

1.2. Thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín), lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su chống rung.

1.3. Trong quá trình hoạt động sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy.

1.4. Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kỳ để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra.

1.5. Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để giảm thiểu tiếng ồn và đảm bảo điều kiện vi khí hậu.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị của dự án.

2.3. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .12./GPMT-KCNC ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/tháng)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (Bao gồm cả vật liệu dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	NH	Rắn	3
2	Bao bì mềm thải nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	NH	Rắn	30
3	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	NH	Rắn/ lỏng	150
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa thải nhiễm thành phần nguy hại	18 01 03	NH	Rắn	12
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại thải nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	NH	Rắn	12
6	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác nhiễm thành phần nguy hại	18 01 04	NH	Rắn	15
7	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	NH	Rắn	1
8	Pin, ắc quy thải	16 01 12	NH	Rắn	1

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/tháng)
9	Bụi chứa kim loại	07 03 13	NH	Rắn	0,000832
	Tổng cộng				224

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế:

Trong quá trình nghiên cứu, dự án sẽ sản xuất các mẫu thực nghiệm và tiến hành thử nghiệm trên người nhằm đánh giá hiệu quả và độ an toàn của sản phẩm. Quá trình này sẽ phát sinh một số chất thải y tế, bao gồm các vật liệu thử nghiệm và dụng cụ y tế đã qua sử dụng với khối lượng 190kg/tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bùn thải từ HTXLNT	12 06 13	TT	775
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	TT-R	50
3	Chất thải rắn phôi kim loại từ chế tạo thử nghiệm	19 03 03	TT-R	150
	Tổng cộng			975

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy khối lượng khoảng 600 kg/ngày. Chủ yếu bao gồm rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...) rác thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị 09 thùng dung tích 120-240 lít, bên ngoài thùng được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 28m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí có sàn bê tông láng xi măng, tường bao bằng tôn, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong phòng chứa, có mái che, có biển cảnh báo; lắp đặt thiết bị PCCC, vật dụng phòng chống sự cố tràn đổ để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải y tế được chứa trong thùng nhựa PVC, có dán mã số phân loại, có nắp đậy thể tích từ 120 đến 240 lít với số lượng 4 thùng.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 24m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải y tế có sàn bê tông láng xi măng, có mái che kín toàn bộ khu vực, tường bao bằng gạch, có biển cảnh báo đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào kho chứa riêng biệt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 24m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có sàn bê tông láng xi măng, có mái che kín toàn bộ khu vực, tường bao bằng gạch, có biển cảnh báo đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.4.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị 12 thùng chứa rác có nắp đậy với dung tích 120 lít (7 thùng) và dung tích 240 lít (7 thùng), chuyển giao cho đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt thu gom vào mỗi ngày.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:



- Diện tích kho: 24m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có sàn bê tông láng xi măng, có mái che kín tường bao bằng gạch.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý đối với chất thải phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tần suất thu gom.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12.../GPMT-KCNC ngày 21 tháng 12 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.